

Số: 34/2018/QĐST-KDTM

Thành phố Huế, ngày 26 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 17/2018/TLST- KDTM ngày 07 tháng 3 năm 2018,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân Hàng TMCP QTVN.

Địa chỉ: Tầng 01, 06; 07 Tòa nhà C 16 đường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Ngọc T và ông Trần Tiến L (theo văn bản ủy quyền ngày 26/12/2017).

Địa chỉ: 211 đường V, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn:

+ Bà Lê Thị H; địa chỉ: 15/4 đường M, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Anh Nguyễn Phi A địa chỉ: 15/4 đường M, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Phi A: Bà Lê Thị S; địa chỉ: 15/4 đường M, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (theo văn bản ủy quyền ngày 12/6/2018 tại phòng công chứng số 1 Thành phố Hồ chí Minh).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về số tiền nợ: Tính đến ngày 17/6/2018 anh Nguyễn Phi A và bà Lê Thị H còn nợ Ngân hàng TMCP QTVN với tổng số tiền 194.040.133đồng theo hợp đồng tín dụng số 190.HDTC.421.14/VIB ngày 01/11/2014. Trong đó:

+ Nợ gốc: 147.296.410đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 31.093.608đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 15.704.115đồng.

b. Về phương án trả nợ và xử lý tài sản thế chấp: Các bên thỏa thuận, anh Nguyễn Phi A và bà Lê Thị H sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP QTVN trong vòng 06 tháng với thời gian trả nợ cụ thể như sau:

+ Ngày 18/7/2018: 30.743.723đồng (Trong đó: tiền gốc: 24.000.000đồng; tiền lãi: 6.743.723đồng).

+ Ngày 18/8/2018: 32.000.000đồng (Trong đó: tiền gốc: 24.000.000đồng; tiền lãi: 8.000.000đồng).

+ Ngày 18/9/2018: 32.000.000đồng (Trong đó: tiền gốc: 24.000.000đồng; tiền lãi: 8.000.000đồng).

+ Ngày 18/10/2018: 32.000.000đồng (Trong đó: tiền gốc: 24.000.000đồng; tiền lãi: 8.000.000đồng).

+ Ngày 18/11/2018: 32.000.000đồng (Trong đó: tiền gốc: 24.000.000đồng; tiền lãi: 8.000.000đồng).

+ Ngày 18/12/2018: 35.296.410đồng (Trong đó: tiền gốc: 27.296.410đồng; tiền lãi: 8.000.000đồng).

Ngoài ra, anh Nguyễn Phi A và bà Lê Thị H còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số 190.HDTC.421.14/VIB ngày 01/11/2014 kể từ ngày 18/6/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền còn nợ.

Trường hợp anh Nguyễn Phi A và bà Lê Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận thì Ngân hàng TMCP QTVN có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành một lần toàn bộ số tiền mà anh A, bà H còn nợ và xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 73-2-3, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại thôn Thượng 01, phường Thủy Xuân, thành phố H (nay là 15/4 Minh Mạng, phường Thủy Xuân, thành phố H) diện tích 89m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác số BT 151261 do UBND thành phố H cấp ngày 07/10/2014 cho anh Nguyễn Phi A và bà Lê Thị H theo hợp đồng thế chấp số 190.HDTC.421.14/VIB ngày 01/11/2014, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 03/11/2014 để thu hồi nợ.

d. Về chi phí thẩm định: Ngân hàng TMCP QTVN tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

e. Về án phí:

- Bà Lê Thị H tự nguyện chịu toàn bộ nên phải chịu: $(194.040.133 \text{ đồng} \times 5\%) / 2 = 4.851.000 \text{ đồng}$ (làm tròn).

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP QTVN số tiền 5.250.000 đồng theo biên lai số 004627 ngày 07/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên H;
- VKSND TP H;
- THADS TP H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Tú